

Số: 1090/TB-SXD

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2022

**Đơn vị được thông báo: Trung tâm Quy hoạch kiểm định chất lượng xây dựng
Mã chương: 419.**

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2022 của Trung tâm Quy hoạch kiểm định chất lượng xây dựng và Biên bản đối chiếu số liệu kết quả hoạt động ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa Sở Xây dựng và Trung tâm Quy hoạch kiểm định chất lượng xây dựng.

Sở Xây dựng thông báo đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2022 của Trung tâm Quy hoạch kiểm định chất lượng xây dựng như sau:

I. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 600.176.885 đồng.
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.
- Trích lập các quỹ: 600.176.885 đồng.
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b đính kèm).

II. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Ưu điểm:

+ Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định tại Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

+ Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

+ Đơn vị đã ban hành và chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Hạn chế, khuyết điểm:

+ Đơn vị có một số chứng từ thanh toán tiền chi tiếp khách có 08 hóa đơn liệt kê các loại bia với tổng số tiền là 15.367.500 đồng (không ghi suất ăn theo



quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

+ Ban hành các quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với viên chức và người lao động chưa kịp thời. Có trường hợp được nâng bậc lương thường xuyên từ tháng 5/2022 nhưng đến tháng 10/2022 mới ban hành quyết định nâng bậc lương.

+ Thanh toán tiền đi công tác trong tỉnh chưa kịp thời. Hầu hết các chứng từ chi tiền đi công tác trong tỉnh của viên chức và người lao động không thanh toán theo từng chuyến công tác hoặc theo tháng mà để dồn vào thời điểm tháng 12 năm 2022 mới thanh toán.

2. Kiến nghị:

Đề nghị Trung tâm Quy hoạch Kiểm định chất lượng xây dựng tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm nghiêm túc đối với 03 nội dung hạn chế, khuyết điểm nêu trên; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan thuế, cơ quan tài chính và Kiểm toán Nhà nước khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Quy hoạch KĐCLXD;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, VP.



GIAM ĐỐC



Lê Phạm Quốc Vinh

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Thông báo đối chiếu số liệu kết quả hoạt động số: 1090/TB-SXD ngày 07/4/2023
của Sở Xây dựng)

Đơn vị: đồng.

Chỉ	Nội dung	Số tiền
A	B	C
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu	226.220.702
a	Từ NSNN cấp	226.220.702
b	Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
c	Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí	57.029.825
a	Chi phí hoạt động	57.029.825
b	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
c	Chi phí hoạt động thu phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	169.190.877
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	5.469.328.986
2	Chi phí	4.978.838.648
3	Thặng dư/thâm hụt	490.490.338
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	48.242.173
2	Chi phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	48.242.173
IV	Hoạt động khác	
1	Doanh thu	
2	Chi phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	
V	Chi phí thuế TNDN	107.746.503
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	600.176.885
a	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
b	Phân phối cho các quỹ	600.176.885
c	Kinh phí cải cách tiền lương	

NGƯỜI LẬP BIỂU



Phan Thuy Phuong Dong

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Lê Phạm Quốc Vinh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 3 năm 2023

BIÊN BẢN

Đối chiếu số liệu kết quả hoạt động năm 2022

**Đơn vị được đối chiếu số liệu: Trung tâm Quy hoạch kiểm định
chất lượng xây dựng
Mã chương: 419.**

I. Thành phần đối chiếu số liệu:

1. Đại diện đơn vị được đối chiếu số liệu:

Ông Nguyễn Hữu Nhân Chức vụ: Giám đốc.

Ông Hoàng Văn Thọ Chức vụ: Phụ trách Kế toán.

2. Đại diện cơ quan đối chiếu số liệu:

Bà Phan Thụy Phương Đông Chức vụ: Phụ trách kế toán Sở Xây dựng.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 600.176.885 đồng.
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng.
- Trích lập các quỹ: 600.176.885 đồng.
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1b đính kèm).

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị nộp báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định tại Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Đơn vị đã ban hành và chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Đơn vị có một số chứng từ thanh toán tiền chi tiếp khách có 08 hóa đơn liệt kê các loại bia với tổng số tiền là 15.367.500 đồng (không ghi suất ăn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài



vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

- Ban hành các quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với viên chức và người lao động chưa kịp thời. Có trường hợp được nâng bậc lương thường xuyên từ tháng 5/2022 nhưng đến tháng 10/2022 mới ban hành quyết định nâng bậc lương.

- Thanh toán tiền đi công tác trong tỉnh chưa kịp thời. Hầu hết các chứng từ chi tiền đi công tác trong tỉnh của viên chức và người lao động không thanh toán theo từng chuyến công tác hoặc theo tháng mà để dồn vào thời điểm tháng 12 năm 2022 mới thanh toán.

2. Ý kiến của đơn vị được kiểm tra:

- Việc thanh toán các chứng từ chi tiếp khách có 08 hóa đơn liệt kê các loại bia với tổng số tiền là 15.367.500 đồng xuất phát từ tình hình thực tế đơn vị tiếp khách theo nhu cầu của khách. Đơn vị sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm và chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan thuế, cơ quan tài chính và Kiểm toán Nhà nước khi có yêu cầu.

- Việc ban hành các quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với viên chức, người lao động chưa kịp thời và thanh toán tiền đi công tác trong tỉnh của viên chức, người lao động dồn vào thời điểm tháng 12 năm 2022; đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm và sẽ chấn chỉnh lại công tác này trong thời gian tới.

3. Kiến nghị:

Kiến nghị Giám đốc Sở Xây dựng chỉ đạo Trung tâm Quy hoạch Kiểm định chất lượng xây dựng tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm nghiêm túc đối với 03 nội dung tồn tại nêu trên; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình với cơ quan thuế, cơ quan tài chính và Kiểm toán Nhà nước khi có yêu cầu.

Biên bản này được lập thành 04 bản (mỗi bên giữ hai bản) được thông qua và được mọi người nhất trí ký tên dưới đây./.

Đại diện đơn vị được đối chiếu số liệu

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hữu Nhân

Đại diện Sở Xây dựng

Phan Thụy Phương Đông





Mẫu biểu 1b

**ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022**

ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM QUY HOẠCH KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG

Đơn vị: đồng.

Chỉ tiêu	Nội dung	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp			
1	Doanh thu	226.220.702	226.220.702	
a	Từ NSNN cấp	226.220.702	226.220.702	
b	Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
c	Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại			
2	Chi phí	57.029.825	57.029.825	
a	Chi phí hoạt động	57.029.825	57.029.825	
b	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài			
c	Chi phí hoạt động thu phí			
3	Thặng dư/thâm hụt	169.190.877	169.190.877	
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ			
1	Doanh thu	5.469.328.986	5.469.328.986	
2	Chi phí	4.978.838.648	4.978.838.648	
3	Thặng dư/thâm hụt	490.490.338	490.490.338	
III	Hoạt động tài chính			
1	Doanh thu	48.242.173	48.242.173	
2	Chi phí			
3	Thặng dư/thâm hụt	48.242.173	48.242.173	
IV	Hoạt động khác			
1	Doanh thu			
2	Chi phí			
3	Thặng dư/thâm hụt			
V	Chi phí thuế TNDN	107.746.503	107.746.503	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	600.176.885	600.176.885	
a	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành			
b	Phân phối cho các quỹ	600.176.885	600.176.885	
c	Kinh phí cải cách tiền lương			